

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30-9-2024
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Sao

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tráng A Sủ
2. Ông Khoàng Văn Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Phùng Việt Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2024/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 7 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐXX-ST, ngày 29 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 13 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nạ Thị P, sinh năm 1994, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Bản L, xã A, huyện N, tỉnh Điện Biên.

2. *Bị đơn:* Anh Chảo Văn T, sinh năm 1992, vắng mặt không lý do.

Địa chỉ: Bản L, xã A, huyện N, tỉnh Điện Biên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 7 năm 2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nạ Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nạ Thị P và anh Chảo Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 10/01/2017 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện N, tỉnh Điện Biên. Trước khi kết hôn anh, chị đã chung sống như vợ chồng từ năm 2016, đến nay đã có 02 con chung. Sau khi kết hôn, chị P và anh T chung sống hòa thuận được

khoảng 04 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do anh T thường xuyên uống rượu, chơi bời, tụ tập bạn bè, không tu trí làm ăn, không quan tâm đến gia đình. Do vợ chồng không thể chung sống cùng nhau được nên anh chị đã sống ly thân hơn 02 năm, không ai quan tâm đến ai. Đến nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị P đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về nuôi con chung: Chị P và anh T có 02 con chung chưa thành niên là cháu Chảo Thị Q, sinh ngày 02/3/2016 và Chảo Như B, sinh ngày 22/4/2018. Kể từ khi vợ chồng sống ly thân cháu Quỳnh và cháu Lệ do chị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị P có thu nhập ổn định từ việc làm nông nghiệp và làm thuê, đảm bảo điều kiện để nuôi dưỡng con chung. Cháu Quỳnh đã trên 07 tuổi, cũng có nguyện vọng được sống cùng với mẹ. Do đó, chị P đề nghị Tòa án giao cả 02 con chung cho chị trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn anh Chảo Văn T: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thụ lý và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn anh Chảo Văn T không có văn bản ghi ý kiến gửi đến Tòa án và cũng không đến Tòa án làm việc nên không có lời khai của anh T. Tòa án đã đến nơi cư trú của anh Chảo Văn T để xác minh thì được biết: Anh Chảo Văn T có nơi thường trú tại bản L, xã A, huyện N, tỉnh Điện Biên và có mặt tại địa phương nhưng thường xuyên không ở nhà, không biết đi đâu, làm gì. Do đó, Tòa án đã lập các biên bản sự việc, biên bản xác minh và niêm yết công khai các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của anh T, trụ sở Ủy ban nhân dân xã A và trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên để anh T được biết.

Theo biên bản xác minh tại bản L, xã A và biên bản ghi nhận sự việc tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện N, ông Lò Văn H – Trưởng bản L và ông Poòng Văn Ph – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã A cho biết: Anh Chảo Văn T và chị Nạ Thị P kết hôn ngày 10/01/2017. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại bản L, xã A, huyện N, tỉnh Điện Biên. Quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã. Nguyên nhân chủ yếu là do anh T thường xuyên uống rượu. Vợ chồng anh T, chị P đã sống ly thân được hơn 02 năm, hiện chị P là người trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, không tuân thủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn

nhân và gia đình, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chị Nạ Thị P được ly hôn anh Chảo Văn T; giao 02 con chung là cháu Chảo Thị Q, sinh ngày 02/3/2016 và Chảo Như B, sinh ngày 22/4/2018 cho chị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, nợ chung do nguyên đơn không yêu cầu giải quyết, bị đơn không có ý kiến nên không xem xét. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật:* Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo của nguyên đơn chị Nạ Thị P, Tòa án xác định đây là vụ án: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết:* Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con do nguyên đơn là chị P khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, do bị đơn anh Chảo Văn T có nơi cư trú tại bản L, xã A, huyện N, tỉnh Điện Biên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên.

[3] *Về tố tụng:* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng chỉ có mặt nguyên đơn. Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, bị đơn cũng không đến Tòa án làm việc nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo khoản 4 Điều 207 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa mở ngày 13/9/2024, Tòa án đã niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập nhưng bị đơn là anh Chảo Văn T vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa theo khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 13/9/2024 và Giấy triệu tập đã được Tòa án nhân dân huyện N niêm yết đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa mở ngày 30/9/2024 bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn là chị Nạ Thị P có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và thủ tục xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị P và anh T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 10/01/2017 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện N, tỉnh Điện Biên, quá trình kết hôn không vi phạm điều cấm của Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của chị P và anh T là hợp pháp. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống, do anh T thường xuyên

uống rượu, không tu trí làm ăn, không quan tâm gia đình nên hôn nhân không hạnh phúc. Vì vậy, chị P xin ly hôn với anh T là có căn cứ. Để đảm bảo quyền lợi cho chị P, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho chị P được ly hôn với anh T.

[5] *Về nuôi con chung*: Chị P và anh T có 02 con chung chưa thành niên là cháu Chảo Thị Q, sinh ngày 02/3/2016 và Chảo Như B, sinh ngày 22/4/2018, kể từ khi 02 vợ chồng sống ly thân, chị P là người trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung. Chị P có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con chung, cháu Quỳnh đã trên 07 tuổi cũng có nguyện vọng được sống cùng mẹ. Chị P có nghề nghiệp chính là làm nông nghiệp, ngoài ra chị còn đi làm thuê, có thu nhập đủ để đảm bảo nuôi dưỡng cả 02 con chung. Mặt khác, qua xác minh tại bản L, trưởng bản cho biết: anh T không tu trí làm ăn, không có thu nhập ổn định. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, quyết định giao 02 con chung cho chị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên và có khả năng lao động là phù hợp với quyền lợi về mọi mặt của con. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị P không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về tài sản chung, nợ chung*: Về tài sản chung, nợ chung nguyên đơn không yêu cầu giải quyết, bị đơn không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Nguyên đơn chị P có đơn xin miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm do là người dân tộc thiểu số (dân tộc Cống) sống tại xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn là xã A, huyện N, tỉnh Điện Biên. Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị P được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Nạ Thị P được ly hôn với bị đơn anh Chảo Văn T.

2. Về nuôi con chung: Giao 02 con chung là Chảo Thị Q, sinh ngày 02/3/2016 và Chảo Như B, sinh ngày 22/4/2018 cho chị Nạ Thị P trực tiếp trông

nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị Nạ Thị P được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- Phòng KTNV& THA Tòa án tỉnh;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Sao